

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 08/2018/HS-PT
Ngày: 31/01/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Việt Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 184/2017TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Nông Hồng S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Y, huyện P, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa 02/12; dân tộc Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 4; có vợ là Vũ Hải Đ, sinh năm 1985; có 04 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/5/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm tù về tội cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng; đã thi hành xong phần án phí; tạm giam từ ngày 26/5/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Nông Hồng S, sinh năm 1994; trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H, sinh năm 1967 và bà Nông Thị T, sinh năm 1968; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 22/5/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:**

- Ông Nguyễn Đắc Thực - Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Thư - thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Nguyễn Đình Thái Hùng – Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Hùng, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Những người tham gia tố tụng được triệu tập đến phiên tòa:

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Ng, xã Ch, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Ng, xã L, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; trú tại: khu T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Ch, xã L, huyện P, Bắc Ninh.

- Anh Trương Văn H3, sinh năm 1986; trú tại: thôn Th, xã H, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

(Các bị hại đều xin xét xử vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1986; trú tại: thôn V, xã Th, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1993; trú tại: Xóm 6, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Nguyễn Quang H2, sinh năm 1993; trú tại: thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 03/2017, Nông Hồng S đến gặp Nguyễn Văn T để xin vào làm thuê tại quán Karaoke T của T. Do ban ngày ở quán Karaoke không có việc nên T bảo S ra cổng số 4 và số 8 của Công ty D, ở khu công nghiệp P sắp xếp xe taxi đến đón khách. Các xe taxi của hãng T được tự do đón khách ở đây, còn xe của các hãng taxi khác muốn đón khách thì phải nộp tiền bến bãi cho T từ 400.000đ đến 600.000đ/ tháng, nếu không nộp tiền mà vẫn đón khách thì sẽ bị nhóm của T đe dọa sẽ đánh hoặc làm hỏng xe hoặc đuổi đi chỗ khác. Do sợ bị nhóm của T đánh hoặc làm hỏng xe nên một số lái xe đã phải nộp tiền cho nhóm của T. Trong thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017,

nhóm của T, S đã đe dọa và thu tiền của nhiều lái xe taxi. Cụ thể như sau:

Đầu tháng 3/2017, anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Ng, xã Ch, huyện H, tỉnh Bắc Giang là lái xe taxi M đỗ xe taxi BKS: 76 ở cổng số 4 khu công nghiệp P thì bị T đến gõ cửa đe dọa: “đã đóng tiền chưa mà làm ở đây, nếu cố tình làm ở đây hoặc là vỡ kính hoặc là vỡ gương”. Anh H sợ bị T đánh hoặc làm hỏng xe ô tô nên bỏ đi. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/4/2017, anh H đỗ xe ô tô ở khu vực cổng số 4 để đón khách thì có Nguyễn Quang H2 đi đến nói với anh H: “anh T bảo anh nộp tiền”. Anh H nói với H2: “gọi anh T ra đây”. H2 gọi điện thì một lúc sau, T đi ra tự ngồi lên ghế phụ xe ô tô của anh H và nói: “tình hình tiền nong thế nào? Mày chậm mất nửa tháng rồi”. Do anh H nói vừa đi sửa xe và chỉ còn 200.000đ. T không tin và bắt anh H phải lột 02 túi quần ra cho T xem. Khi anh H lấy từ trong túi quần ra một tờ tiền mệnh giá 500.000đ thì T giật lấy và đút vào túi của T. Sau khi lấy được tiền của anh H, T xuống xe đi về.

Với cách thức, thủ đoạn đe dọa, đuổi rồi ép buộc các lái xe taxi phải nộp tiền bến bãi thì mới cho đón khách tại cổng số 4 và số 8 công ty D, đến nay Cơ quan điều tra đã làm rõ T và S đã đe dọa rồi chiếm đoạt tiền của các lái xe taxi sau đây:

- Ngày 15/02/2017, T đã đe dọa anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện P, tỉnh Bắc Ninh là lái xe ô tô BKS: 28 của hãng taxi M yêu cầu nộp tiền. Do sợ bị T đánh nên vào các ngày 17/02/2017 và 15/4/2017, anh L đã nộp cho T mỗi lần 600.000đ và ngày 15/3/2017 nộp cho S 600.000đ. Tổng số tiền T và S chiếm đoạt được của anh L là 1.800.000đ.

- Ngày 11/3/2017, anh Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Ng, xã L, huyện P, tỉnh Bắc Ninh là lái xe ô tô BKS: 43 của hãng taxi M đang đỗ xe ở cổng số 8 Công ty D thì bị Nông Hồng S đe dọa và yêu cầu nộp tiền. Do anh Q thường xuyên đón khách tại đây nên để yên ổn làm ăn, ngày 15/3/2017 và ngày 15/4/2017, anh Q đã nộp cho S mỗi lần 600.000đ. Tổng số tiền S đã chiếm đoạt của anh Q là 1.200.000đ, số tiền thu của anh Q, S khai đã đưa lại cho T.

- Đầu năm 2017, T đã đe dọa anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; trú tại: khu T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là lái xe của hãng taxi M yêu cầu anh H1 muốn đỗ xe đón khách tại khu vực cổng số 4 thì phải nộp tiền cho T. Do sợ bị T đánh nên ngày 12/4/2017 anh H1 đã đưa cho T 500.000đ và ngày 14/5/2017 anh H1 đã đưa cho T 400.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt của anh H1 là 900.000đ.

- Đầu tháng 3/2017, T đã đe dọa, tát và đá anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Ch, xã L, huyện P, Bắc Ninh là lái xe của hãng taxi M buộc anh C phải nộp tiền bến bãi cho T. Do không có tiền nộp nên anh C bỏ đi. Ngày 11/3/2017, khi anh C đỗ xe đón khách ở cổng số 8, Công ty D thì T đi đến yêu

cầu anh C nộp tiền. Do sợ bị T đánh nên anh C đã đưa cho T 600.000đ.

- Từ tháng 02/2017 đến tháng 5/2017 anh Trương Văn H3, sinh năm 1986; trú tại: thôn Th, xã H, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh là lái xe ô tô BKS 34 của hãng taxi M bị T đe dọa và phải nộp cho T tổng số 1.700.000đ, trong đó ngày 20/02/2017 nộp 500.000đ; các ngày 10/3/2017, 10/4/2017 và 14/5/2017 mỗi ngày nộp 400.000đ.

Ngày 24/4/2017 và ngày 26/4/2017 anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hữu L gửi đơn trình báo về việc bị T, S chiếm đoạt tiền bên bãi.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nông Hồng S khai nhận: Trong thời gian làm cho T, S đã nhìn thấy T đánh anh C vì ban đầu anh C không chịu nộp tiền, sau khi bị đánh anh C đã phải nộp tiền cho T. Bản thân S tháng 3/2017 đã thu tiền của 05 lái xe được 3.000.000đ; tháng 4/2017 S thu tiền của khoảng 10 lái xe, mỗi người 600.000đ. Toàn bộ số tiền thu được S đã đưa hết cho T. Tiến hành nhận dạng S cũng thừa nhận có 02 lần thu tiền của anh Nguyễn Văn Q mỗi lần 600.000đ; 01 lần thu tiền của anh Nguyễn Hữu L, số tiền 600.000đ. Tổng số tiền mà S chiếm đoạt của anh Q và anh L là 1.800.000đ. Ngày 22/05/2017, S đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra ban đầu, bị cáo T đã thừa nhận hành vi thu tiền các lái xe taxi, phù hợp với lời khai của Nông Hồng S, lời khai của người làm chứng và những người bị hại. Tiến hành nhận dạng T xác định: T đã 02 lần thu tiền của anh Nguyễn Văn H1 (tháng 4/2017 thu 500.000đ; tháng 5/2017 thu 400.000đ) 02 lần thu tiền của anh Nguyễn Hữu L vào tháng 2/2017 và tháng 4/2017 mỗi lần 600.000đ; 01 lần thu của anh Nguyễn Mạnh C số tiền 600.000đ và 01 lần thu tiền của anh Nguyễn Văn H số tiền 500.000đ. Sau đó T không thừa nhận bất kỳ một hành vi nào của mình, T không đến Cơ quan điều tra đầu thú mà đến theo giấy triệu tập và bị cán bộ điều tra dọa nạt, đánh đập, ép khai, T không thực hiện những hành vi như VKS đã truy tố.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 163/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố Nguyễn Văn T và Nông Hồng S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự Xử phạt Nguyễn Văn T 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Hồng S 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án

phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2017 và ngày 30/11/2017 các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Hồng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo kêu oan và không có tội. Bị cáo khai không đe dọa, ép buộc những người bị hại trên nộp tiền cho bị cáo để được đỡ xe đón trả khách tại cổng công ty D và không chỉ đạo S đe dọa thu tiền của các lái xe taxi. Toàn bộ các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị Điều tra viên ép cung, bức cung, đề nghị HĐXX xem xét.

Bị cáo Nông Hồng S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo S khai toàn bộ hành vi đe dọa và buộc các lái xe taxi nộp tiền là do bị cáo tự làm. Tổng số tiền bị cáo của anh Q và anh L là 1.800.000đ. Bị cáo không đưa tiền cho T, T không chỉ đạo bị cáo. Toàn bộ những lời khai tại CQĐT là do bị cáo bị ép cung. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo T không nhận tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của những người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi đe dọa, cưỡng ép những người bị hại phải nộp tiền để được đỡ xe đón trả khách tại cổng công ty D. Không có căn cứ các bị cáo bị ép cung trong giai đoạn điều tra. Do vậy, Bản án sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999 là có cơ sở, không oan. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S, không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, đại diện VKS đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo T đều chung quan điểm cho rằng: Cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như lời khai của những người bị hại và người làm chứng có mâu thuẫn nhưng chưa được điều tra làm rõ; có dấu hiệu cố ý làm sai lệch hồ sơ của Điều tra viên; tại phiên tòa sơ thẩm, quyền của Luật sư không được đảm bảo. Không có chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của T như không thu được vật chứng là tiền bị cáo chiếm đoạt. Các Luật sư đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra lại và hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với bị cáo; hoặc tuyên bố bị cáo T không phạm tội, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo T nhất trí với bào chữa của Luật sư.

Trong phần đối đáp tranh luận, đại diện VKS và các Luật sư, bị cáo đều giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đều không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo S thay đổi lời khai có lợi cho T và thừa nhận hành vi đe dọa, cưỡng bức buộc bị hại nộp tiền mới được dừng đón trả khách tại cổng công ty D là do một mình S thực hiện, không đưa tiền cho T và không làm theo sự chỉ đạo của T; tại cơ quan điều tra, các bị cáo bị ép cung nên mới nhận tội. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với T, tại đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người đầu thú (BL 252; 253) T khai: *“Tôi đưa S ra cổng số 8 Công ty D và giao nhiệm vụ những xe taxi lạ ở nơi khác đến thì đuổi đi không cho đỗ để đón khách. Nếu muốn đỗ đón khách thì phải nộp tiền khoảng 400.000đ đến 600.000đ trên 1 tháng. Nếu lái xe taxi nào không đi và không đóng tiền thì đe dọa đánh và đuổi đi”*; *“Tôi thu khoảng 5 đến 7 lái xe taxi, chủ yếu là taxi thuộc hãng taxi M. Tôi thu tiền theo tháng là 600.000đ/tháng...”*. Tại Bản cung ngày 29/6/2017 (Bl 268- 271) có Điều tra viên và Kiểm sát viên cùng lấy cung và KSV tự phúc cung, T cũng đều khai nhận: *“Tôi T trực tiếp thu tiền của các lái xe taxi chủ yếu là hãng taxi M khoảng độ 10 lần trong tháng 3 và tháng 4 / năm 2017 được khoảng độ 6.000.000đ. Tổng cộng tôi và S thu được của các lái xe là 8.000.000đ”*.

Đối với bị cáo S, từ đầu khởi tố vụ án cho đến khi VKS kết thúc hồ sơ chuyển sang Tòa án, S đều khai nhận rõ hành vi cưỡng ép, đe dọa để thu tiền của các lái xe theo sự chỉ đạo của T và toàn bộ số tiền thu được đều chuyển cho T. Sau đó tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S mới thay đổi lời khai có lợi cho T và nài ra những lời khai trước đó do bị Điều tra viên ép cung. HĐXX nhận thấy, lời khai của S cũng không căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tương tự như đối với T, tại các Bản cung ngày 13/6/2017 và 24/7/2017 có Kiểm sát viên cùng tham gia, chứng kiến Điều tra viên làm việc, S khai: *“Công việc cụ thể T giao cho tôi xếp xe của hãng T và đuổi tất cả những xe tắc xi không phải của hãng T đi chỗ khác. Nếu xe nào muốn được đỗ đón khách tại đó thì phải nộp tiền 600.000đ/1 tháng. Nếu xe taxi nào không đi, không chịu nộp tiền thì gọi T ra xử lý”*. *“Tôi S được T giao nhiệm vụ ra cổng số 8 công ty D làm các công việc như đã khai ở trên thu tiền của các lái xe được đồng nào về đưa hết cho T, còn T trả lương tôi theo tháng”*.

Như vậy ngoài Điều tra viên lấy lời khai còn có Kiểm sát viên dự cung hoặc tự phúc cung, các bị cáo đều khai nhận về hành vi phạm tội rất rõ ràng, thừa nhận không bị mớm cung, ép cung và ký nhận vào bản cung đầy đủ. Tại cấp sơ thẩm, điều tra viên thụ lý vụ án đã có mặt và trình bày không ép cung các bị cáo; các bị cáo cũng không có tài liệu gì chứng minh về việc này. Do vậy lời khai của

các bị cáo về việc bị Điều tra viên ép cung là không có cơ sở.

Căn cứ vào lời khai của những người bị hại, các biên bản nhận dạng, lời khai của người làm chứng đều hoàn toàn phù hợp với các lời khai ban đầu của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Do vậy HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2017 đến tháng 5/2017, Nguyễn Văn T và Nông Hồng S đã có hành vi đe dọa, cưỡng ép các lái xe taxi buộc phải nộp tiền bên bãi nếu muốn đỗ đón trả khách tại khu vực cổng số 4 và số 8 Công ty D. Các bị cáo đã chiếm đoạt tiền của người bị hại, cụ thể như sau: Anh Nguyễn Văn H nộp 500.000đ vào ngày 3/4/2017; anh Nguyễn Hữu L nộp 600.000đ vào ngày 15/3/2017; anh Nguyễn Văn H1 nộp 02 lần tổng cộng 900.000đ (ngày 12/4/2017 nộp 500.000đ và ngày 14/5/2017 nộp 400.000đ); anh Nguyễn Mạnh C nộp 600.000đ vào ngày 11/3/2017; anh Trương Văn H3 nộp 04 lần với tổng số 1.700.000đ (ngày 20/02/2017 nộp 500.000đ, các ngày 10/3/2017, 10/4/2017, 14/5/2017 mỗi ngày nộp 400.000đ). Tổng số tiền T chiếm đoạt là 6.700.000đ, trong đó T trực tiếp thu của các lái xe 4.900.000đ, S thu của các lái xe 1.800.000đ. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo T và S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 là không oan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn T và lời bào chữa của các luật sư không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Đối với một số vấn đề tố tụng các Luật sư nêu ra, HĐXX nhận thấy, tại cấp sơ thẩm quyền bào chữa của các Luật sư, bị cáo đều được HĐXX giải quyết đảm bảo theo quy định, hồ sơ không có vi phạm nghiêm trọng gì về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, do vậy không chấp nhận đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Luật sư.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S, HĐXX nhận thấy: Tại phiên tòa hôm nay, thái độ khai báo của bị cáo đối với hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo T còn loay quanh, không thành khẩn, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo cũng giúp sức một cách tích cực cho T trong việc cưỡng đoạt tiền của người bị hại. Bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 phạt bị cáo 15 tháng tù là đã có phần xem xét, chiếu cố đến vai trò, nhân thân của bị cáo trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy cần bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nông Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nông Hồng S 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2017.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nông Hồng S 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

2. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 81 - CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT, VKS, TAND huyện Yên Phong;
- Bị cáo (qua Trại TG);
- Bị hại; đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hs; vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nghiêm Thị Lượng